

BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 7 THEO TỪNG UNIT**UNIT 9: AT HOME AND AWAY CÓ ĐÁP ÁN****A. Vocabulary - Từ vựng tiếng Anh 6 Unit 9 The body****A. A holiday in Nha Trang Phần 1 - 5 trang 86 - 91 SGK Tiếng Anh 7**

Từ vựng	Định nghĩa
1. think of (v)	nghĩ về
2. friendly (adj)	thân thiện
3. aquarium (n)	hồ, bể nuôi cá
4. gift (n) = present (n)	quà
5. type (n)	loại, chủng loại
6. shark (n)	cá mập
7. dolphin (n)	cá heo
8. turtle (n)	con rùa
9. exit (v)	lối ra
10. cap (n)	mũ lưỡi chai
11. poster (n)	bích chương
12. crab (n)	con cua
13. seafood (n)	hải sản
14. diary (n)	nhật ký

15. rent (v,n)	thuê
16. move (v)	di chuyển
17. keep in touch (v)	liên lạc
18. improve (v)	cải thiện

B. Neighbors Phần 1-4 trang 92-94 SGK Tiếng Anh 7

Từ mới	Định nghĩa
1. neighbor (n)	người láng giềng
2. hairdresser (n)	thợ uốn/ cắt tóc nữ
3. material (n)	chất liệu, vật liệu
4. clever (adj)	khéo tay
5. dressmaker (n)	thợ may áo đầm
6. hobby (n)	sở thích
7. sew (v)	may
8. sewing machine (n)	máy may
9. useful (adj)	hữu ích
10. useless (adj)	vô ích
11. cushion (n)	tấm đệm gối
12. skirt (n)	cái váy
13. try sth on (v)	thử cái gì
14. fit (v)	vừa

15. finally (adv)	cuối cùng
16. decide (v)	quyết định
17. borrow (v)	mượn

Irregular verbs:

1. be (am/is/are) – was/were – been (v): thì, là, ở
2. go – went – gone (v): đi
3. cut – cut – cut (v): cắt, đốn
4. put – put – put (v): đặt, để
5. think – thought – thought (v): nghĩ, suy nghĩ
6. buy – bought – bought (v): mua
7. bring – brought – brought (v): mang
8. make – made – made (v): làm, chế tạo
9. have – had – had (v): có, ăn, dùng
10. eat – ate – eaten (v): ăn
11. give – gave – given (v): cho, biếu, tặng
12. take – took – taken (v): dẫn, lấy
13. see – saw – seen (v): nhìn thấy, xem

14. do – did – done (v): làm

15. wear – wore – worn (v): mặc, mang, đội

16. tell – told – told (v): nói

17. know – knew – known (v): biết

18. keep – kept – kept (v): giữ

19. teach – taught – taught (v): dạy

20. send – sent – sent (v): gửi

B. Exercise - Bài tập tiếng Anh Unit lớp 7 có đáp án

I. Supply the correct tense or form of the verbs:

1. I _____ her at the movie theater last night. (meet)

2. He (go) _____ to English club every Sunday. But last Sunday he (not go) _____ there, he (go) _____ to the City's Museum.

3. My mother _____ a dress now. (make)

4. Two years ago, she _____ at a village school. (teach)

5. What _____ you _____ yesterday morning? (do)

6. We _____ to Hue next month. (travel)

7. They usually _____ dinner at home, but they _____ dinner in a small restaurant yesterday evening. (have)

8. The children _____ (be) here ten minutes ago, but at the moment they _____ (play) in the yard.

9. We enjoy _____ around the world. (travel)

10. The weather _____ nice yesterday. (be)

11. I (be) _____ busy last night, so I (miss) _____ a good film on TV.

12. My father _____ a new car two months ago. (buy)

13. Nam _____ his father repair the radio at this time. (help)

14. We _____ an English test tomorrow. (have)

15. They usually _____ their house blue. (paint)

II. Choose the correct answer for the blank:

1. Liz helps me with my stamp _____.

A. collect B. collection C. collector D. collecting

2. It won't be difficult to keep _____ touch.

A. in B. on C. at D. from

3. Liz is talking _____ Ba about her vacation in Nha Trang.

A. on B. to C. about D. at

4. Liz had a _____ vacation in Nha Trang.

A. friendly B. beautiful C. wonderful D. delicious

5. Most things weren't cheap. They were quite _____.

A. different B. colorful C. useful D. expensive

6. Lan _____ a lot of different gifts from her friends last week.

A. bought B. received C. rented D. decided

7. Were you tired _____ the trip?

A. after B. between C. under D. at

8. Did you _____ a good time in Nha Trang?

A. have B. having C. to have D. had

9. Liz and her parents arrived _____ Hanoi this year from the USA.

A. on B. by C. in D. at

10. I _____ an interesting movie on TV yesterday.

A. see B. saw C. will see D. seeing

11. Hoa watched Mrs. Mai _____ her dress.

A. make B. made C. to make D. to making

12. Sewing is a _____ hobby.

A. different B. clever C. useful D. pretty

13. She bought some _____ and learnt how to sew.

A. flower B. cushion C. poster D. material

14. Mai made a green skirt _____ flowers on it.

A. on B. with C. at D. in

15. Huy tried the T-shirt _____ but it didn't fit him. It was too big.

A. on B. of C. to D. with

16. _____ a clever woman!

A. How B. What C. Which D. Where

17. My sister is a _____. She sometimes makes a dress for me.

A. teacher B. hairdresser C. journalist D. dressmaker

18. Suong _____ go to school yesterday.

A. doesn't B. won't C. wasn't D. didn't

19. I _____ a letter to my pen-pal last month.

A. sent B. won't send C. send D. send

20. My mother _____ in Da Nang a few years ago.

A. work B. works C. working D. worked

21. They _____ fish and crab for their lunch now.

A. eat B. eating C. ate D. are eating

22. She talked to her friend _____ her vacation in Da Lat.

A. on B. in C. with D. about

23. I _____ very happy on my last vacation.

A. am B. was C. were D. can

24. It was a green skirt with white flowers _____ it.

A. on B. in C. at D. of

25. Did Liz buy any _____ in Nha Trang?

A. book B. gifts C. picture D. cap

26. One of the most dangerous animals in the ocean is _____.

A. fish B. shark C. dolphin D. horse-sea

27. You always go slowly as a _____.

A. fish B. turtle C. tiger D. rabbit

28. The girl _____ her own clothes.

A. makes B. sews C. designs D. all of them

29. They asked me to design a _____ for the advertisement.

A. poster B. plan C. cushion D. material

30. They were cold, hungry and very _____.

A. happy B. sad C. unhappy D. tired

31. After the neighbor helped her, the dress _____ her very well.

A. fit B. fited C. fitted D. fitting

32. Last week, the Robinsons _____ to a new apartment.

A. move B. moves C. moved D. are moving

33. They arrive _____ home in the afternoon.

A. in B. on C. at D. P

34. I brought back a cowboy hat as a _____ of my trip.

A. gift B. souvenir C. remembering D. thing

35. What _____ she do yesterday?

A. do B. does C. was D. did

36. _____ is a person who lives near you.

Hairdresser B. Neighbor C. Teacher D. Dressmaker

37. They stop _____ the restaurant for a short time.

A. for B. in C. at D. to

38. They kept _____ touch by letter.

A. in B. at C. on D. of

III. Circle the word or phrase that is not standard in English:

1. I receive (A) a letter from (B) my pen pal (C) last week (D).

2. They arrived to (A) Ha Noi this (B) year from (C) the (D) USA.

3. I spent (A) two hours (B) trying in (C) every coat in (D) the shop.
4. After (A) the neighbor (B) repaired (C) the skirt, it looked prettily (D).
5. After (A) their visit for (B) the aquarium, they went (C) to a food stall for (D) lunch.
6. Hoa told (A) me that her (B) aunt cutted (C) her (D) hair yesterday.
7. Hoa's (A) neighbor helped her (B) repairing (C) the (D) skirt.
8. She watches him (A) opened (B) the door (C) and walks (D) away.
9. It's not (A) difficult (B) to learn (C) driving (D) a car.
10. She decided learning (A) how (B) to make (C) a (D) dress.

ĐÁP ÁN

I. Supply the correct tense or form of the verbs:

- 1 - met; 2 - goes - didn't go - went; 3 - is making;
- 4 - taught; 5 - did ... do; 6 - are going to travel; 7 - have; 8 - were - are playing;
- 9 - travelling; 10 - was; 11 - was - missed; 12 - bought;
- 13 - is helping; 14 - are going to have; 15 - paint;

II. Choose the correct answer for the blank:

- 1 - B; 2 - A; 3 - B; 4 - C; 5 - D;
- 6 - B; 7 - A; 8 - A; 9 - C; 10 - B;
- 11 - A; 12 - C; 13 - D; 14 - B; 15 - A;

16 - B; 17 - D; 18 - D; 19 - A; 20 - D;

21 - D; 22 - D; 23 - B; 24 - A; 25 - B;

26 - B; 27 - B; 28 - D; 29 - A; 30 - D;

31 - C; 32 - C; 33 - B; 34 - B; 35 - D;

36 - B; 37 - C; 38 - A

III. Circle the word or phrase that is not standard in English:

1 - A; 2 - A; 3 - C; 4 - D; 5 - B;

6 - C; 7 - C; 8 - B; 9 - D; 10 - A;

Mời bạn đọc tham khảo thêm tài liệu Tiếng Anh lớp 7 tại đây:

Bài tập Tiếng Anh lớp 7 theo từng Unit: <https://vndoc.com/tieng-anh-7-moi>

Bài tập Tiếng Anh lớp 7 nâng cao: <https://vndoc.com/tieng-anh-pho-thong-lop-11>

Bài tập trắc nghiệm trực tuyến Tiếng Anh lớp 7: [Bài tập trắc nghiệm tiếng Anh lớp 7 trực tuyến...](#)